

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 16-6-2020.
Về việc: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.
2. Ông: **Đỗ Đức Lâm**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2019/TLHNGĐ-ST ngày 23/12/2019 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 04/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐDS-ST ngày 19/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn 10A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 10A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D có tìm hiểu yêu nhau được 06 tháng thì quyết định kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/8/2012. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Thời gian sống chung vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D ham chơi cờ

bạc, không chăm lo cho gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/6/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02/5/2015. Nay ly hôn Chị T có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Đã được Toà án thông báo việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng đều vắng mặt nên không có bất kỳ lời khai.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh Nguyễn Văn D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị T và anh D được ly hôn; Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/6/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02/5/2015 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D có tình yêu nhau và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/8/2012 là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo Chị T trình bày: Thời gian sống chung vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D ham chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh D và Chị T đã không còn sống chung từ năm 2019, anh D có người phụ nữ khác bên ngoài. Điều đó cho thấy hôn nhân của Chị T, anh D không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Chứng tỏ anh D có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn dây dưa kéo dài gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nay chị Bùi Thị T cương quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian qua cuộc sống chung giữa Chị T với anh D không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn D được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, giữa Chị T và anh D có 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/6/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02/5/2015. Nay ly hôn Chị T có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, còn anh D được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không thể hiện ý chí, nguyện vọng về quyền nuôi con. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, các con chung đều do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường, cháu Lâm có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Khang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Chị T là công nhân có việc làm và thu nhập ổn định, được mẹ ruột phụ giúp nuôi con. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương cho thấy anh D đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài là vi phạm về đạo đức và xâm phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Để ổn định cuộc sống và học tập của các con chung nên cần tiếp tục giao cho Chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Bảo L và Nguyễn Bảo K đến khi đủ 18 tuổi

là phù hợp với quy định của pháp luật, Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị T xin ly hôn nên buộc Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D.

Xử cho chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 09/6/2012 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02/5/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019487 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, Chị T và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Văn Biên